

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 254/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu Ph, sinh năm: 1970; địa chỉ: số nhà 125/2, ấp Đ T, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1959; địa chỉ: số nhà 33/2, ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Cao Thị M, sinh năm: 1953; địa chỉ: số nhà 33/2, ấp T L, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho ông Phạm Văn L tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn L và bà Cao Thị M đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Hữu Ph số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) với thời gian và cách thức trả một lần vào ngày 15/02/2019 dương lịch.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L và bà Cao Thị M mỗi người nộp: 71.875 đồng (Bảy mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Bà Cao Thị M được miễn nộp số tiền 71.875 đồng, do bà M là người cao tuổi thuộc trường hợp được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Ông Trần Hữu Ph nộp: 143.750 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (do bà Huỳnh Thị M nộp thay) theo biên lai thu số 0018614 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Ông Trần Hữu Ph được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại số tiền 156.250 đồng (Một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H. Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên